

Bản án số: 1251/2024/HC-PT

Ngày: 11-12-2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về
thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:* Bà Lê Nguyệt Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
517/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2021/HC-ST ngày 02 tháng 12 năm
2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3271/2024/QĐPT-HC
ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1940; Địa chỉ: Số B đường T,
thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh 1960;
Địa chỉ: Xóm A, Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Theo văn bản ủy quyền
lập ngày 16/6/2022) (có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tuấn P, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân
dân tỉnh B (vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh T1, chức vụ: Phó Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (vắng mặt).
2. Ủy ban nhân dân huyện T (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Bùi Đắc Đ, chức vụ Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (có mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (vắng mặt).

Người kháng cáo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B - Là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/9/2017 và các lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Xuân C có ông Nguyễn Văn T làm đại diện trình bày:

Vào năm 2000 ông C có sang nhượng đất của ông Nguyễn Hữu N và bà Biều Thị B với diện tích 8.281,7 m² đất, trong đó có 2.140 m² có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) và 5.160,0 m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do ông N và bà B khai hoang năm 1975, sản xuất nông nghiệp ổn định. Khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay. Tuy nhiên ngày 27/4/2001 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C với số tiền 5.400.000 đồng do chuyển nhượng đất trái phép diện tích 5.160,0 m² đất, tiếp tục giao cho ông C sử dụng đất vào mục đích nuôi tôm.

Đến ngày 26/9/2011, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2319/QĐ-UBND thu hồi 6.752 m² đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông Nguyễn Xuân C để xây dựng công trình khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã C, huyện T. Tiếp tục thực hiện dự án trên, ngày 25/8/2014, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định số 6891/QĐ-UBND thu hồi 1.529,7 m² đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông Nguyễn Xuân C. Tổng diện tích đất thu hồi của hộ ông C là 8.281,7 m².

Ngày 10/7/2014, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 6175/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C, trong đó: Bồi thường 2.140 m² đất là 40.660.000 đồng, bồi thường thiệt hại về tài sản là 10.182.400 đồng, các khoản hỗ trợ là 201.370.000 đồng. Tổng số tiền là 252.212.400 đồng.

Ngày 15/01/2015, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 50/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C 981,7 m² là 16.198.050 đồng, các khoản hỗ trợ là 40.495.125 đồng, tổng số tiền là 56.693.175 đồng. Ngày 27/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2726/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ 30% giá đất đối với diện tích 5.160

m² cho hộ ông Nguyễn Xuân C với số tiền là 25.542.000 đồng. Ngày 07/8/2015, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 3886/QĐ-UBND về việc hỗ trợ khác 30% công đào ao với số tiền là 23.409.432 đồng.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện T, ông C có đơn khiếu nại. Ngày 26/02/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông C. Không đồng ý ông C tiếp tục khiếu nại. Ngày 14/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2345/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông C về việc bác đơn khiếu nại của ông C.

Ông Nguyễn Xuân C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Đồng thời xem xét hủy Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Xuân C; buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải bồi thường cho ông C số tiền thiệt hại về tài sản ngoài Danh mục 02 Quyết định số 05 và khoản mất thu nhập do ngừng sản xuất là 836.400.000 đồng.

Tại văn bản số 2313/UBND-NC ngày 11/6/2018 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có ý kiến:

Xin vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành đối thoại theo quy định tại Điều 135 Luật tố tụng hành chính.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Thống nhất với Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân C (lần 2). Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống tập trung tại xã C, huyện T là không có căn cứ. Vì Phần diện tích 5.160 m² của hộ ông Nguyễn Xuân C không đủ điều kiện để được nhà nước bồi thường về đất vì đất lấn chiếm, vi phạm Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Tại thời điểm ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 342/QĐ-UBND ngày 27/4/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, ông C không khiếu nại và chấp hành quyết định này. Toàn bộ diện tích đất thu hồi của hộ ông C là thuộc vị trí 4.

Việc nâng mức hỗ trợ khác theo Công văn số 2174/UBND-ĐTQH ngày 12/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ khác đối với các hộ dân có đất thu hồi nhưng không đủ điều kiện bồi thường tại dự án xuất giống thủy sản tập trung xã C, huyện T là do Ủy ban nhân dân tỉnh đã vận dụng pháp luật hết mức cho phép, hết sức quan tâm đến quyền, lợi ích của người bị thu hồi đất. Do vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C có ông Nguyễn Trung H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thông nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Đề nghị bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2021/HC-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 6, Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 116, các Điều 143, 157, 165, 173, 191, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, 206, Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C.

1. Hủy Điều 1 của Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân C (lần 2).

2. Hủy Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân C (lần đầu).

3. Hủy Quyết định số 6175/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã C, huyện T.

4. Hủy Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã C, huyện T.

5. Hủy Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã C, huyện T.

6. Đình chỉ xét xử đối yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải bồi thường cho ông C số tiền thiệt hại về tài sản ngoài danh mục 02 Quyết định số 05 và khoản mất thu nhập do ngừng sản xuất là 836.400.000 đồng.

7. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/12/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại về nội dung: Diện tích 6.141,7m² đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Xuân C đáp ứng 03 điều kiện của vị trí 1, đủ điều kiện xác định vị trí 2; diện tích 2.140m² đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Xuân C đủ điều kiện để xác định vị trí 3 và đối với diện tích 5.160m² đất thu hồi của hộ ông C đủ điều kiện để được bồi thường, do ông C tự chuyển nhượng đất sử dụng không hợp pháp, đã có quyết định số 342/2011/QĐ-CT UBTP ngày 27/4/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt hành chính theo quy

định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định 197/NĐ-CP Ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Xuân C không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận các đương sự trình bày như sau:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Thống nhất với bản án giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 16/4/2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung: Tại Quyết định số 342/QĐ-CTUBND ngày 27/4/2001 thể hiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã xử phạt hành chính đối với ông Nguyễn Xuân C về hành vi chuyển nhượng đất sử dụng không hợp pháp, đồng thời áp dụng biện pháp kèm theo là thu hồi diện tích đất chuyển nhượng trái phép, ông C sử dụng tạm thời diện tích đất, không được đền bù đất đai khi Nhà nước quy hoạch. Do đó căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, khoản 6 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003, điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì phần đất diện tích 5.160 m² không đủ điều kiện bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Xuân C khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2345/QĐ-UBND Ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông (lần 2).

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã xác định quan hệ tranh chấp là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận và thụ lý, xét xử là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, nhận thấy:

Trong tổng diện tích 8.281,7 m² đất mà hộ gia đình ông C bị thu hồi, Ủy ban nhân dân huyện T chỉ bồi thường đối với diện tích 3.121,7 m² đất (bao gồm 2.140 m² đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và 981,7 m² đất chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng đủ điều kiện được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất). Còn lại diện tích 5.160 m² đất không được bồi thường về đất mà chỉ được bồi thường về tài sản, hỗ trợ về đất và công đào ao. Ông Nguyễn Xuân C cho rằng gia đình ông đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Tuy nhiên, tại Quyết định số 342/QĐ-CTUBND ngày 27/4/2001 thể hiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt hành chính đối với ông Nguyễn Xuân C về hành vi chuyển nhượng đất sử dụng không hợp pháp, đồng thời áp dụng biện pháp kèm theo là thu hồi diện tích đất chuyển nhượng trái phép, ông C sử dụng tạm thời diện tích đất, không được đền bù đất đai khi Nhà nước quy hoạch.

Do đó căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, khoản 6 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003, điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì phần đất diện tích 5.160 m² không đủ điều kiện bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng diện tích 5.160 m² đất bị thu hồi do ông C sử dụng ổn định, liên tục để nuôi trồng thủy sản, trong quá trình sử dụng đất không có tranh chấp nên đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, là không đúng.

Về vị trí thửa đất bị thu hồi, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng diện tích đất bị thu hồi của ông C là đất sử dụng vào mục đích nuôi tôm nên phải chủ động nguồn nước để nuôi tôm, đáp ứng tiêu chí chủ động nước tưới tiêu trên 70%. Vị trí đất nằm tiếp giáp các trục đường giao thông rộng từ 6 mét trở lên và có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm dân cư tập trung không quá 500m. Do đó, vị trí đất bị thu hồi của ông C đáp ứng 3 điều kiện của vị trí 1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh B.

Tuy nhiên, điều kiện chủ động nước tưới tiêu từ 70% trở lên được quy định tại Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh B là nhằm

xác định các vị trí đất có điều kiện tự nhiên có thể chủ động tưới tiêu 70% trở lên. Tại Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh B phê duyệt danh mục các vùng có mức nước tưới tiêu chủ động từ 70% trở lên vào thời điểm năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận thì xã C không có tên trong danh mục này. Do đó, thửa đất của ông C bị thu hồi không thể coi là đáp ứng điều kiện chủ động nước tưới tiêu từ 70% trở lên.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất bị thu hồi của ông C đáp ứng được 03 điều kiện của vị trí 1 để áp giá tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông C là không đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C là không có căn cứ, trái quy định pháp luật. Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của người kiện. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần tính lại án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện ông Nguyễn Xuân C là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015,
Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2021/HC-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ Điều 3, Điều 6, Điều 30, Khoản 3 Điều 32, Điều 116, Điều 143, Điều 157, Điều 165, Điều 173, Điều 191, Khoản 1 điểm b, Khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính.

Áp dụng:

- Điều 75, Điều 101, Khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013;
- Khoản 2 Điều 21, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật khiếu nại;
- Khoản 5 Điều 20, Điểm b Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ;
- Điều 25, Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ;
- Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 23/2012/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ C1;

- Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh B;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C về việc yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Xuân C.

- Hủy Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Xuân C.

[2] Đình chỉ xét xử đối yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải bồi thường cho ông C số tiền thiệt hại về tài sản ngoài danh mục 02 Quyết định số 05 và khoản mất thu nhập do ngừng sản xuất là 836.400.000 đồng.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm: Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Nguyễn Xuân C. Hoàn trả cho ông C số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0020947 ngày 15/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 8190 ngày 21/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công

Trần Thị Hòa Hiệp

Vương Minh Tâm

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS, HQ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Minh Tâm